

CHÍNH PHỦ
Số: 39/1995/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành Điều lệ mẫu về Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Nhà nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Điều lệ mẫu về Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Nhà nước.

Điều 2. Điều lệ mẫu này áp dụng cho Tổng công ty Nhà nước hoạt động kinh doanh. Việc các doanh nghiệp Nhà nước tự nguyện tham gia Tổng công ty Nhà nước, Chính phủ sẽ có hướng dẫn riêng.

Các Tổng công ty Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập căn cứ các quy định của Điều lệ mẫu để xây dựng Điều lệ về Tổ chức và hoạt động cụ thể của mình; xây dựng Quy chế Tài chính cụ thể của Tổng công ty theo Quy chế Tài chính mẫu do Bộ Tài chính ban hành và phải được Bộ Tài chính thông qua trước khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty ký ban hành.

Các Tổng công ty khác căn cứ vào Điều lệ mẫu và Quy chế Tài chính mẫu do Bộ Tài chính ban hành để xây dựng Điều lệ cụ thể của mình.

Điều 3. Bộ Tài chính chuẩn bị Quy chế Tài chính mẫu Tổng công ty, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành; hướng dẫn chế độ quản lý tài chính, chế độ hạch toán, kế toán, sử dụng lợi nhuận trong toàn Tổng

công ty, hình thành và sử dụng các quỹ tập trung của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên, các vấn đề tài chính khác có liên quan; chủ trì và phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn chế độ lương, thưởng, chế độ phụ cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh khác trong Tổng công ty.

Điều 4. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế Nghị định số 27-HĐBT ngày 22-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 5. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc các Tổng công ty Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM.CHÍNH

PHỦ

THỦ

TƯỞNG

(Đã ký)

Võ Văn

Kiệt

ĐIỀU LỆ MẪU VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39-CP ngày 27- 6- 1995)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Tổng công ty Nhà nước (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lớn bao gồm các đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị, hoạt

động trong một hoặc một số chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật chính, do Nhà nước thành lập nhằm tăng cường tích tụ, tập trung, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao; nâng cao khả năng và hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên và của toàn Tổng công ty; đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

2. Tổng công ty đặc biệt quan trọng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; các Tổng công ty khác do Bộ trưởng Bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập).

Điều 2:- Tổng công ty có:

1. Tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.
2. Tên riêng, có trụ sở chính trong nước.
3. Điều lệ tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý và điều hành.
4. Vốn và tài sản, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi bỏ Vốn do Tổng công ty quản lý.
5. Con dấu được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng trong nước, nước ngoài.
6. Bảng cân đối tài sản, các quỹ tập trung theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 3. Tổng công ty được quản lý bởi Hội đồng Quản trị và được điều hành bởi Tổng Giám đốc

Điều 4. Tổng công ty chịu sự quản lý Nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương với tư cách là các cơ quan quản lý Nhà nước; đồng thời chịu sự quản lý của các cơ quan này với tư cách là cơ quan thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Mục 1

QUYỀN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 6.

1. Tổng công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác của Nhà nước giao theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được Nhà nước giao.

2. Tổng công ty có quyền giao lại cho các đơn vị thành viên quản lý, sử dụng các nguồn lực mà Tổng công ty đã nhận của Nhà nước; điều chỉnh những nguồn lực đã giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn Tổng công ty.

3. Tổng công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty có quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý của Tổng công ty, trừ những thiết bị, nhà xưởng quan trọng theo quy định của Chính phủ phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; đối với đất đai, tài nguyên thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty thì thực hiện theo pháp luật tương ứng.

Điều 7. Tổng công ty có quyền tổ chức quản lý tổ chức kinh doanh như sau:

1. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao.

2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị.

3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.
4. Kinh doanh những ngành nghề phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ Nhà nước giao; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Tổng công ty và nhu cầu của thị trường, kinh doanh những ngành nghề khác nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung.
5. Lựa chọn thị trường và thống nhất phân công thị trường giữa các đơn vị thành viên; được xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Nhà nước.
6. Quyết định khung giá hoặc giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm, dịch vụ chủ yếu, thống nhất giá xuất khẩu tối thiểu, giá nhập khẩu tối đa, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá.
7. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm trong khuôn khổ các định mức, đơn giá của Nhà nước.
8. Phân cấp việc tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật; quyết định mức lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm, chi phí dịch vụ và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.
9. Được mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài của Tổng công ty ở Việt Nam; quyết định cử đại diện Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát; đối với Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải được Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập Tổng công ty cho phép. Các thành viên khác của Hội đồng Quản trị ra nước ngoài do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định. Phó Tổng Giám đốc và các chức danh khác trong bộ máy giúp việc ra nước ngoài do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 8. Tổng công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của Tổng công ty để phục vụ kịp thời các nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn, có hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ khác trái mục đích sử dụng thì phải theo nguyên tắc có hoàn trả.